

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày 07-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Ni - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn N (tên gọi khác: H), sinh năm 1996; Nơi sinh: Hà Tiên, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp R, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị G; bị cáo có vợ tên Lê Thị T và 01 người con sinh năm 2022. Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo đang bị tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 08/LB-ĐTTH ngày 18/4/2023 của cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Tiên, Lệnh tạm giam số 13/LTG-VKSHT ngày 19/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên và Quyết định tạm giam số 24/2023/HSST – QĐTG ngày 04/7/2023 và số 30/2023/HSST – QĐTG ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà Phan Thị M, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị G, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp R, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

2. Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp R, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Tuấn K. Vắng mặt.

2. Ông Trần Thuận Tr. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 06/12/2021, bà Phan Thị M thực hiện giao dịch chuyển tiền bằng hình thức internet banking trên điện thoại từ số tài khoản 0091000461643 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) cho tài khoản của bà Phan Tuyết G với số tiền 46.650.000 đồng. Trong quá trình thực hiện giao dịch, bà M đã chuyển số tiền 46.650.000 đồng vào tài khoản 070111028621 đứng tên bà Trần Thị G tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương tín (Sacombank). Sau khi chuyển tiền bà M không kiểm tra lại, cho đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi được bà Gám thông báo chưa nhận được tiền thì bà M kiểm tra phát hiện chuyển nhầm số tiền 46.650.000 đồng vào tài khoản của bà Trần Thị G nên bà M đến Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương tín (Sacombank) để nhờ ngăn chặn lại số tiền 46.650.000 đồng đã chuyển nhầm vào tài khoản số 070111028621 đứng tên bà Trần Thị G thì được thông báo số tiền trên đã được rút hết. Bà M gọi điện thoại cho chủ tài khoản 070111028621 thì gặp Trần Văn N là con của bà Trần Thị G, N nói đã xài hết số tiền mà bà M chuyển nhầm nên bà M liên hệ với Công an xã T, thành phố Hà Tiên để giải quyết.

Tại Công an xã T, bà Trần Thị G trình bày là bà G đã đưa tài khoản ngân hàng 070111028621 cho N sử dụng, còn Trần Văn N nói dối là số tài khoản 070111028621 đã cho bạn sử dụng nên không biết việc chuyển tiền nhầm và không trả lại cho bà M số tiền 46.650.000 đồng. Đến ngày 10/11/2022, bà Phan Thị M làm đơn gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Tiên yêu cầu giải quyết.

Quá trình điều tra Trần Văn N đã thừa nhận hành vi chiếm giữ trái phép số tiền 46.650.000 đồng của bà Phan Thị M, sau khi nhận được tiền không rõ nguồn gốc vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 06/12/2021 thì N không trình báo với cơ quan chức năng và cũng không liên hệ với chủ tài khoản đã chuyển tiền mà N sử dụng toàn bộ số tiền vào mục đích cá nhân như trả cho ông Huỳnh Phi L số tiền 20.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe mà trước đó bị cáo đã cầm cố, cho Huỳnh Tuấn K 300.000 đồng, trả cho một số người khác mà bị cáo khai không nhớ tên, nạp tiền chơi game online và không có tiền trả lại cho bà M.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phan Thị M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 46.650.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSHT ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 176, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N mức án tù 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho bị hại số tiền 46.650.000 đồng. Về án phí buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Phi L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Lê Tuấn K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt họ theo quy định tại điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định khoảng 14 giờ 20 phút ngày 06/12/2021, Trần Văn N có hành vi chiếm giữ số tiền 46.650.000 đồng do bà Phan Thị M chuyển khoản nhằm vào số tài khoản 070111028621, đứng tên Trần Thị G nhưng do Trần Văn N quản lý sử dụng. Hành vi của Trần Văn N đã cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.
Khoản 1 Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản:

“1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, di vật hoặc cổ vật hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hóa bị giao nhằm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Nhưng với bản chất lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý chiếm giữ trái phép tài sản của người khác. Khi bị cáo biết người khác đã chuyển nhằm tiền vào tài khoản mà bị cáo đang sử dụng, bị cáo không trình báo, không giao nộp cho cơ quan chức năng hay trả lại tài sản cho bị hại mà cố tình thực hiện ngay hành vi tẩu tán, sử dụng hết toàn bộ số tiền. Khi bị hại phát hiện sự việc và trình báo đến cơ quan công an xã nơi bị cáo đang cư trú, bị cáo không thừa nhận việc đã nhận tiền, cố tình khai báo quanh co để không phải trả lại tiền cho bị hại. Khi bị hại gửi đơn yêu cầu đến cơ

quan điều tra để giải quyết, trong quá trình điều tra bị cáo mới thừa nhận hành vi của mình. Trong đó bị cáo khai sau khi nhận được tiền, bị cáo trả nợ và chuộc xe. Qua điều tra Công an xác định được bị cáo chuyển khoản trả cho ông Huỳnh Phi L 20.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe mô tô mà trước đó bị cáo đã cầm cố. Số tiền còn lại bị cáo khai chuyển khoản trả nợ một số người khác nhưng bị cáo lại cho rằng không nhớ tên những người bị cáo đã trả tiền và cụ thể số tiền bị cáo chuyển khoản trả nợ là bao nhiêu. Qua xác minh đối với quá trình giao dịch từ số tài khoản 070111028621 thì tất cả số tiền còn lại bị cáo chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần di động trực tuyến với cùng một số tài khoản 060124708901, trong đó có 04 lần chuyển 10.000.000 đồng, 01 lần chuyển 5.000.000 đồng. Đồng thời số tài khoản 060124708901 cũng chuyển vào tài khoản 070111028621 20.000.000 đồng, sau đó tài khoản 070111028621 chuyển khoản 20.000.000 đồng cho Huỳnh Phi L. Quá trình điều tra không làm rõ và thu hồi được, đến thời điểm hiện tại bị cáo vẫn không khắc phục, trả lại cho bị hại số tiền nêu trên. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngày 05/9/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) xử phạt 02 năm tù về tội “cố ý gây thương tích”, bị cáo đã chấp hành án xong nên đã được xóa án tích, bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên bị cáo chưa khai đầy đủ và đúng sự thật tất cả những tình tiết liên quan đến hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Sau khi thực hiện hành vi, bản thân bị cáo không thể hiện bằng những hành động, việc làm cụ thể để chứng minh cho việc bị cáo muốn sửa chữa, khắc phục, bù đắp thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để cải tạo thành người tốt. Do đó bị cáo chưa thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, chưa thể hiện sự ăn năn hối lỗi về việc bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn N mức án từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho bị hại bà Phan Thị M số tiền 46.650.000 đồng.

[8] Đối với Lê Tuấn K là người bị cáo chuyển khoản số tiền 300.000 đồng nhưng K không biết đây là số tiền do N phạm tội mà có và không biết N đã chiếm giữ trái phép tài sản của người khác nên không có cơ sở xem xét.

[9] Đối với ông Huỳnh Phi L là người bị cáo đã trả số tiền 20.000.000 đồng, qua làm việc ông L không biết số tiền này là số tiền bị cáo chiếm giữ trái phép của người khác, đồng thời trước đó bị cáo có cầm cố cho ông L chiếc xe mô tô nên khi bị cáo trả khoản nợ thì ông L đã trả xe lại cho bị cáo. Sau đó bị cáo cũng đã bán chiếc xe máy cho người khác nên đảm bảo quyền lợi của người thứ ba ngay tình không buộc ông L nộp lại số tiền 20.000.000 đồng nêu trên.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 176, Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn N trả lại cho bị hại bà Phan Thị M số tiền 46.650.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 2.332.500 đồng. Tổng cộng là 2.532.500 đồng (Hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan Trần Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, N vụ liên quan Huỳnh Phi L có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Công an tỉnh Kiên Giang (Phòng HS);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

